

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2022.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Ông Phạm Hoàng Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1992 (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp Minh K, xã Minh T, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/02/2022 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Việt T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Việt T và chị Lê Thị Y (sau đây gọi tắt là anh T, chị Y) quen biết do mai mối, sau đó được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/5/2020. Vợ chồng

chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hợp. Mỗi lần cự cãi là chị Y dọn đồ đạc về bên cha mẹ chị Y sống, bỏ nhà từ 10 đến 15 ngày mới về chung sống với anh T. Năm 2021 chị Y tiếp tục bỏ nhà đi, anh T vẫn đi năn nỉ chị Y quay về chung sống, nhưng chị không đồng ý mà còn kêu anh T nộp đơn ly hôn, nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh T yêu cầu ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị Y không có con chung.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2022 của bị đơn chị Lê Thị Y trình bày: Vợ chồng chị Y, anh T có đăng ký kết hôn ngày 28/05/2020 tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh thượng, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, là do bất đồng quan điểm sống, không hợp. Anh T yêu cầu ly hôn chị Y đồng ý; về con chung và chia tài sản chung đúng như lời trình bày của anh T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị Y, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp, mỗi lần cự cãi là chị Y tự bỏ nhà về bên cha mẹ ruột sinh sống. Mặc dù, anh T có đến năn nỉ chị Y, nhưng chị không về mà còn kêu anh T nộp đơn ly hôn, hiện anh T không còn tình cảm với chị Y; về con chung và chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:** Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Việt T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn chị Lê Thị Y. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn chị Lê Thị Y được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Việt T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Y.

[3]. **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa anh T và chị Y là hợp pháp. Tại phiên tòa anh T trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

thường xuyên cự cãi. Mỗi lần vợ chồng cự cãi là chị Y bỏ nhà về bên nhà cha mẹ ruột sống từ 10 đến 15 ngày mới về nhà. Năm 2021 vợ chồng cự cãi chị Y tiếp tục bỏ nhà đi, mặc dù anh T năn nỉ nhưng chị Y không về mà còn kêu anh T nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có tiếng nói chung, nên vợ chồng ly thân từ tháng 11/2021 đến nay.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2022 của chị Y trình bày thì vợ chồng chị Y, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 28/05/2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, là do bất đồng quan điểm sống không hợp. Anh T yêu cầu ly hôn chị Y đồng ý; về con chung và chia tài sản chung đúng như lời trình bày của anh Tu.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng anh T kiên quyết xin ly hôn với chị Y, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị Y không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho anh T được ly hôn với chị Y.

[4]. **Về con chung:** Anh T, chị Y không có con chung.

[5]. **Về chia tài sản chung:** Anh T, chị Y không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6]. **Về án phí:** Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003132 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Việt T với chị Lê Thị Y.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung: Anh T, chị Y không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Nguyễn Việt T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003132 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng